TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày : 10-9-2019
V/V "Ly hôn giữa bà Nga và ông Sang, nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Quang Vinh.
Ông Lê Quốc Tiết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 172/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-HN ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy N. Địa chỉ: đường 827A, khu phố a, thị trấn V, huyện T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà N: Luật sư Nguyễn Văn T, văn phòng luật sư Đức T- thuộc đoàn luật sư tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh S. Địa chỉ: ấp 7, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-7-2019 và trong quá trình xét xử, bà Nguyễn Thị Thùy N là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh S chung sống với nhau từ năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông S thường xuyên uống rượu, cờ bạc, có lần đánh đập bà, ông S không lo cho kinh tế gia đình, có tính gia trưởng, ông S thường bảo bà nộp đơn ly hôn. Bà và ông S không chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 05/11/2014 hiện con sống với bà. Nếu phải ly hôn bà yêu cầu nuôi con chung, ông S phải cấp dưỡng con chung là 2.000.000 đồng/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà N phát biểu: Bà N và ông Nguyễn Thanh S chung sống với nhau từ năm 2013 có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng ông S có hành vi bạo lực với bà N nên mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bà N ly hôn với ông S.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 05/11/2014 hiện con sống với bà N. Ông S đồng ý để bà Nga nuôi con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu bà N là 2.000.000 đồng/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Thanh S là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà N về điều kiện kết hôn là đúng, về mâu thuẫn vợ chồng chỉ đúng một phần. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, vì ông còn thương vợ thương con.

Về nuôi con chung: Ông đồng ý theo đề xuất của bà N.

Về tài sản chung, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà N yêu cầu ly hôn với ông Sang được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà N và ông S có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Bà Nga yêu cầu ly hôn với ông S, ông S không đồng ý ly hôn. Xét thấy tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà N cương quyết yêu cầu ly hôn với ông S, ông S không đồng ý nhưng ông S không có biện pháp nào để khắc phục tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà N và ông S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 19, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa bà N.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 05/11/2014 (hiện do bà N nuôi dưỡng), bà N yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung, hằng tháng là 2.000.000 đồng thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông S đồng ý để bà N nuôi con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà N nên Hội

đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà N là phù hợp.

[7] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định. Ông S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 09, 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thùy N ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 05/11/2014 cho bà N nuôi dưỡng (hiện do bà N nuôi dưỡng), ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Không ai được lợi dụng việc thăm nom con hoặc việc trực tiếp nuôi con để cản trở việc nuôi con hoặc việc thăm nom con, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên còn lại. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí:

Bà N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0002160 ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ông S phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự

thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự.
- UBND xã Hiệp Thạnh.
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bảo Trí